

Số: 05/2026/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Trường hợp các hạng mục phải hoàn trả không có đơn giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, đơn giá được áp dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Đơn giá cho các nhiệm vụ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành của năm trước liền kề;

b) Đơn giá do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ ban hành có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả;

c) Phương án giá do Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả xây dựng trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành trong Báo cáo kết quả xác định chi phí phải hoàn trả.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết định phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 Luật Địa chất và khoáng sản theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.”.

Điều 3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 11.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 12 như sau:

“1. Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư đối với phần trữ lượng gia tăng chưa

phê duyệt chi phí phải hoàn trả (nếu có) khi điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 111 Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Việc xác định, phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Thông tư này khi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định. Cơ quan ban hành Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả đối với trường hợp này có trách nhiệm hủy bỏ hoặc thu hồi Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả đã ban hành.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT như sau:

1. Thay thế cụm từ “Mẫu số 05” thành “Mẫu số 04”, “Mẫu số 06” thành “Mẫu số 05”, “Mẫu số 07” thành “Mẫu số 06” trong danh mục mẫu văn bản tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT như Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bãi bỏ Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã được nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, việc xử lý được quy định như sau:

1. Trường hợp nội dung của hồ sơ phù hợp với các quy định tại Thông tư này, hồ sơ sẽ tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định tại Thông tư này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng các quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ NNMT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ NNMT;
- Lưu: VT, PC, ĐCKS (80b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành



Phụ lục

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC II BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ
SỐ 38/2025/TT-BNNMT NGÀY 02 THÁNG 7 NĂM 2025
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Mẫu số 01	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp
Mẫu số 05	Quyết định phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 07	Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 08	Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

**Mẫu số 01: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BNNMT

....., ngày... .. tháng... .. năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng
sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngàythángnăm của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-
CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và
Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngàythángnăm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt,
quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền
khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số
...../2026/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của
Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên
địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-BNNMT ngày
tháng..... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:
 2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:
 - a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q):
 - b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):.....
 - c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):
 3. Tổng số tiền phải nộp:.....
 4. Tổng số lần nộp:
 5. Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})¹:.....
 6. Thời gian nộp bắt đầu từ năm đến năm.....
- Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thành phố)...(để phối hợp);
- Các Vụ: Kế hoạch - Tài chính; Pháp chế;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)... (để thực hiện);
- Lưu: HS, VT, ĐCKS.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp nhiều lần

**Mẫu số 02: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày... .. tháng... .. năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng
sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngàythángnăm của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-
CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngàythángnăm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt,
quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền
khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số
...../2026/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của
Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên
địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu
khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ
quan cấp giấy phép).....²;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN-..... ngày
..... tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....³;

² Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai
thác tận thu khoáng sản

³ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản⁴;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:
 2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:
 - a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q):
 - b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):.....
 - c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):
 3. Tổng số tiền phải nộp:.....
 4. Tổng số lần nộp:
 5. Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})⁵:.....
 6. Thời gian nộp bắt đầu từ năm đến năm.....
- Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ... (Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)⁶;
- Cục ĐCKS Việt Nam (để biết);
- Lưu: HS, VT.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp nhiều lần

⁶ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm 20..

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngàythángnăm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số/2026/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-BNNMT ngày tháng..... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:.....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm điều chỉnh⁷:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...		Năm 20...

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các năm còn lại⁸:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q):

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):.....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp⁹:

đ) Tổng số lần còn nộp¹⁰:

e) Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})¹¹:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...		Năm 20...

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thành phố)...(để phối hợp);
- Các Vụ: Kế hoạch - Tài chính; Pháp chế;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- Lưu: HS, VT, ĐCKS.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

⁷ Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm

⁸ Tính tại thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

⁹ Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

¹⁰ Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

¹¹ Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần

Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN
(Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20..

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngàythángnăm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số/2026/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....¹²;

¹² Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN - ngày tháng năm của (Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....¹³;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹⁴;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:.....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm điều chỉnh¹⁵:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...		Năm 20...

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các năm còn lại¹⁶:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q):

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):.....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp¹⁷:

đ) Tổng số lần còn nộp¹⁸:

e) Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})¹⁹:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...		Năm 20...

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

¹³ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

¹⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

¹⁵ Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm

¹⁶ Tính tại thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

¹⁷ Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

¹⁸ Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

¹⁹ Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)²⁰;
- Cục ĐCKS Việt Nam (để biết);
- Lưu: HS, VT.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

²⁰ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

Mẫu số 05: Quyết định phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN
....(Tên cấp tỉnh)...

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngàythángnăm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số/2026/TT-BNNMT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp Giấy phép).....²¹;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN-..... ngày tháng..... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....²²;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp Giấy phép)..... về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản²³;

Xét hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... nộp ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:.....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm phê duyệt lại²⁴:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...		Năm 2025

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt lại:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại (Q_{cl}):.....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):.....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp²⁵:

đ) Tổng số lần còn phải nộp²⁶:

e) Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})²⁷:

²¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

²² Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

²³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

²⁴ Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

²⁵ Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

²⁶ Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

²⁷ Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần và tính từ năm 2025

Năm 2025	Năm 2026			

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm 2025 đến năm

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh (thành phố)....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố)(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)²⁸;
- Cục ĐCKS Việt Nam (để biết);
- Lưu: HS, VT.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

²⁸ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

Mẫu số 06: Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:.....

Mã số thuế:

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ)
thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác
khoáng sản số ngày.... tháng năm do(Tên cơ quan cấp giấy
phép khai thác khoáng sản)..... cấp.

Đề nghị được quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ
khoáng sản nêu trên với các nội dung như sau:

I. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm.....
2. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) được phê duyệt: đồng.
3. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) phải nộp trong kỳ quyết toán:..... đồng.
4. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) đã nộp trong kỳ quyết toán:..... đồng.
5. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) còn nợ trong kỳ quyết toán:..... đồng.
6. Sản lượng khai thác thực tế trong kỳ quyết toán (quy đổi ra khoáng sản nguyên khai): (tấn, m³).
7. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

8. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thông báo nộp hàng năm: đồng.

II. Tài liệu kèm theo

1. Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên hàng năm trong kỳ quyết toán.
3. Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hàng năm trong kỳ quyết toán./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 07: Bảng kê khai thông tin quyết toán
tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20....

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:.....
2. Mã số thuế:
3. Trụ sở tại:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Điện thoại:....., Fax.....

II. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Cơ quan cấp giấy phép:
3. Khoáng sản được phép khai thác:
4. Phương pháp khai thác: (lộ thiên, hầm lò).
5. Diện tích khu vực khai thác:(m², ha, km²).
6. Trữ lượng được phép khai thác: (tấn, m³).
7. Công suất khai thác: (tấn/năm; m³/năm; m³/ngày-đêm).
8. Thời hạn giấy phép khai thác: (tháng, năm).
9. Vị trí mỏ:

II.2. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....đồng; được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt bổ sung tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm..... của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt bổ sung).....).

2. Kết quả thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong kỳ quyết toán:

STT	Thời gian (trong kỳ quyết toán)	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				Ghi chú
		Số nộp thừa chuyển từ kỳ trước	Số được thông báo hàng năm	Số đã nộp	Số còn nợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	Năm....					
2	Năm....					
3	Năm....					
4	Năm....					
5	Năm....					
	Tổng cộng					

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ quyết toán:

TT	Tên loại tài nguyên	Khối lượng khoáng sản nguyên khai		Khối lượng khoáng sản sau chế biến		Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn vị tính	Khối lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
2	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
...									

	<i>Tổng cộng</i>								
	<i>Khoáng sản ...</i>								
	<i>Khoáng sản ...</i>								

Lưu ý:

a) Cột 4: là khối lượng khoáng sản nguyên khai (trừ than); là khối lượng than sạch trong than khai thác (đối với khoáng sản than).

b) Cột 7, 8, 9 chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

c) Số liệu, thông tin về sản lượng khai thác thực tế được tổng hợp từ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP. Số liệu được tổng hợp từ nguồn nào cần được ghi chú rõ trong cột số 10.

d) Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 1 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình của mình.

4. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

5. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thông báo nộp²⁹ hàng năm: đồng.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán)..... cam kết số liệu kê khai là đúng và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁹ Theo Văn bản thông báo của cơ quan thuế

Mẫu số 08: Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN THÔNG BÁO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20....

THÔNG BÁO

Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên Thuế tỉnh (thành phố)).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngàythángnăm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....³⁰;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN -..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....³¹;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản³²;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo cho Thuế tỉnh (thành phố)..... nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

³⁰ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

³¹ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

³² Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

STT	Thời gian	Số tiền thông báo nộp hàng năm ³³ (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)	(6)
1	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
2	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
...					
	Tổng cộng				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				

Số tiền tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung là³⁴:đồng.(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... đề nghị Thuế tỉnh (thành phố)..... thông báo để(Tên tổ chức, cá nhân quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là³⁵:đồng.

.....(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo để Thuế tỉnh (thành phố)..... biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(Tên tổ chức, cá nhân)... (để thực hiện);
- Cục Thuế (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo);
- Bộ NNMT³⁶ (để báo cáo);
- Cục ĐCKS Việt Nam³⁷ (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN THÔNG BÁO**

(Ký tên, đóng dấu)

³³ Theo văn bản thông báo của cơ quan thuế

³⁴ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là lớn hơn 0, bằng giá trị cột số 5

³⁵ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là nhỏ hơn 0, bằng giá trị tuyệt đối của cột số 5

³⁶ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

³⁷ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường